

CÔNG TY: CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
Địa chỉ: La Dương-Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội
Tel: 04 39748891 Fax: 04 39748890

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm tài chính 2010

Mẫu số N-04d

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	huyết mir	Số đầu năm	Số cuối kỳ
TÀI SẢN	0		-	-
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67,217,358,726	83,500,367,466
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,688,752,545	1,330,635,522
1. Tiền	111		1,688,752,545	1,330,635,522
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39,215,734,454	63,175,025,062
1. Phải thu khách hàng	131		7,715,645,810	23,714,749,801
2. Trả trước cho người bán	132		172,133,988	5,529,416,240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		31,327,954,656	34,960,216,996
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(1,029,357,975)
IV. Hàng tồn kho	140		24,437,042,816	17,479,610,747
1. Hàng tồn kho	141		24,437,042,816	17,479,610,747
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,875,828,911	1,515,096,135
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	23,220,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	102,992,263
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,052,616,368	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		823,212,543	1,388,883,872
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		124,497,260,701	120,660,322,473
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-

4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13,476,945,961	10,285,895,049
1. Tài sản cố định hữu hình	221		13,458,279,294	10,268,561,714
- Nguyên giá	222		41,998,828,274	40,307,733,948
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28,540,548,980)	(30,039,172,234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		18,666,667	17,333,335
- Nguyên giá	228		20,000,000	20,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,333,333)	(2,666,665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		109,929,815,974	109,929,815,974
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,000,000,000	20,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		89,929,815,974	89,929,815,974
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1,090,498,766	444,611,450
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,090,498,766	444,611,450
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		191,714,619,427	204,160,689,939
NGUỒN VỐN	0		-	-
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10,800,823,217	29,511,360,215
I. Nợ ngắn hạn	310		10,800,823,217	29,248,969,215
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		4,147,209,751	24,363,806,309
3. Người mua trả tiền trước	313		881,032,225	713,722,649
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		1,975,459,576	599,269,963
5. Phải trả người lao động	315		167,638,781	144,144,825
6. Chi phí phải trả	316		-	23,844,272

7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3,375,686,739	3,162,985,052
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		253,796,145	241,196,145
II. Nợ dài hạn	330		-	262,391,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	250,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	12,391,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		180,913,796,210	174,649,329,724
I. Vốn chủ sở hữu	410		180,913,796,210	174,649,329,724
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	111,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		91,000,000,000	91,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11,718,534,049	11,718,534,049
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(21,804,737,839)	(39,069,204,325)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		191,714,619,427	204,160,689,939
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG		0	-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-

2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

-

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Tổng giám đốc

Kế toán trưởng

Phan Anh Thu

Trần Tùng Lâm

CÔNG TY: CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

Địa chỉ: La Dương-Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội

Tel: 04 39748891 Fax: 04 39748890

N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính 2010

Mẫu số N-05d

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		188,762,575,119	42,244,514,035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		188,762,575,119	42,244,514,035
4. Giá vốn hàng bán	11		199,069,912,582	41,281,630,065
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		(10,307,337,463)	962,883,970
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		42,458,124	3,452,307,017
7. Chi phí tài chính	22		35,145,803	21,913,298
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	21,600,000
8. Chi phí bán hàng	24		2,065,067,595	719,805,415
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,516,746,078	3,434,951,465
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}	30		(16,881,838,815)	238,520,809
11. Thu nhập khác	31		1,398,909,174	95,391,726
12. Chi phí khác	32		1,310,352,208	150,421,199
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		88,556,966	(55,029,473)
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		(16,793,281,849)	183,491,336
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		(16,793,281,849)	183,491,336
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		(1,679)	18

Kế toán trưởng

Phan Anh Thu

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Tổng giám đốc

Trần Tùng Lâm

CÔNG TY: CÔNG PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG

Địa chỉ: La Dương-Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội

Tel: 04 39748891 Fax: 04 39748890

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính 2010

Mẫu số N-06d

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(16,793,281,849)	183,491,336
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
Khấu hao TSCĐ	02		2,152,235,737	
Các khoản dự phòng	03		1,029,357,975	(12,374,549,488)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(95,478,290)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(3,420,000,000)
Chi phí lãi vay	06		-	21,600,000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13,707,166,427)	(12,923,175,682)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(23,476,842,660)	7,029,746,850
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6,957,432,069	16,570,201,409
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18,490,295,621	(8,326,598,859)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		622,667,315	(1,088,031,553)
Tiền lãi vay đã trả	13		(29,549,623)	(21,600,000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	361,152,206
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	(752,592,674)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(787,064,965)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11,930,228,670)	849,101,697
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(243,888,353)	(64,480,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		816,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	438,281,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	32,307,017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		572,111,647	406,108,017
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		11,000,000,000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		(300,000,000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		300,000,000	3,200,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(3,200,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11,000,000,000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(358,117,023)	1,255,209,714
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1,688,752,545	433,542,831
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1,330,635,522	1,688,752,545

Ngày 30 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Phan Anh Thu

Trần Tùng Lâm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần lần đầu số 0303000149 ngày 18/03/2004 và đã đăng ký thay đổi lần thứ bảy vào ngày 19/02/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 100.000.000.000 đồng chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông (Sacom) góp 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 15%, các cổ đông khác góp 85.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Hà Nội.

Văn phòng đại diện: Bưu cục Mỹ Đình 2 đường Nguyễn Cơ Thạch, Từ Liêm, Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông và các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông và vật liệu điện dân dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Sản xuất sản phẩm dây đồng, sản phẩm ống nhựa các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, lắp đặt công trình viễn thông; và
- Thiết kế vô tuyến điện: đối với công trình thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT - BTC về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15 tháng 02 năm 2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán chủ yếu được doanh nghiệp áp dụng để lập báo cáo tài chính như sau:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho (tiếp)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ văn phòng	08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy vi tính trị giá 20.000.000 đồng, được trích khấu hao trong thời gian 5 năm

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính*Công ty con*

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, các chi phí tiếp thị, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ

trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGLa Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	14,679,028	43,729,054
Tiền gửi ngân hàng	1,315,956,494	1,645,023,491
Cộng	1,330,635,522	1,688,752,545

2. Phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	192,325,078	36,965,089
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	34,534,156,793	30,836,645,792
Các khoản phụ khác	233,735,125	454,343,775
Cộng	34,960,216,996	31,327,954,656

3. Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16,015,514,401	19,257,724,678
Công cụ, dụng cụ	143,693,988	145,265,117
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	801,686,790
Thành phẩm	1,224,452,700	2,699,840,190
Hàng hóa	47,435,050	47,435,050
Hàng gửi đi bán	48,514,608	1,485,090,991
Tổng cộng	17,479,610,747	24,437,042,816
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	17,479,610,747	24,437,042,816

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGLa Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Tài sản cố định hữu

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	3,318,906,786	34,284,849,114	3,210,016,382	1,185,055,992	41,998,828,274
Mua trong năm	-	193,142,925	-	14,533,636	207,676,561
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	36,211,792	-	-	36,211,792
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1,934,982,679)	-	(1,934,982,679)
Tại ngày 31/12/2010	3,318,906,786	34,514,203,831	1,275,033,703	1,199,589,628	40,307,733,948
KHẤU HAO					
Tại ngày 01/01/2010	1,179,821,198	26,089,649,865	1,082,821,807	188,256,110	28,540,548,980
Khấu hao trong năm	133,152,000	1,679,737,779	320,944,000	17,068,626	2,150,902,405
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(652,279,151)	-	(652,279,151)
Tại ngày 31/12/2010	1,312,973,198	27,769,387,644	751,486,656	205,324,736	30,039,172,234
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	2,139,085,588	8,195,199,249	2,127,194,575	996,799,882	13,458,279,294
Tại ngày 31/12/2010	2,005,933,588	6,744,816,187	523,547,047	994,264,892	10,268,561,714

5. Đầu tư vào Công ty con

Tên Công ty con	Số Cổ phần	Giá trị đầu tư 31/12/2010 VND	Giá trị đầu tư 01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	2,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000
Cộng	2,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000

Chi tiết thông tin về Công ty con:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	Hung Yên	99,99%.	Sản xuất, kinh doanh các loại cáp và vật liệu điện dân dụng, viễn thông.

6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Đầu tư trái phiếu	10,000,000	10,000,000
Cho vay dài hạn (*)	89,919,815,974	89,919,815,974
	89,929,815,974	89,929,815,974

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGLa Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp)**

(*) Cho vay dài hạn là khoản cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long vay theo hợp đồng tín dụng ngày 20/02/2007. Hợp đồng này không quy định cụ thể số tiền vay mà căn cứ vào nhu cầu và khả năng của các bên, số tiền cụ thể được tính căn cứ vào phiếu chi, uỷ nhiệm chi của Công ty. Lãi vay là 0,95%/tháng. Mục đích của khoản cho vay là để Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long thực hiện đầu tư dây chuyền sản xuất cấp. Thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày cấp vốn đầu tiên. Ngày 29/01/2010, hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHD trong đó sửa đổi điều khoản về lãi suất cho vay và thời hạn hợp đồng, theo đó khoản vay này không tính lãi kể từ ngày 01/01/2010, thời hạn vay từ 2 đến 5 năm. Công ty sẽ thông báo lịch trả nợ cho Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long trước 3 tháng khi có nhu cầu thu hồi khoản vay.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	93,299,515	209,250,043
Chi phí sửa chữa tài sản	325,383,906	405,674,906
Chi phí trả trước dài hạn khác	25,928,030	475,573,817
	444,611,451	1,090,498,766

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	537,926,108	1,612,014,112
Thuế thu nhập cá nhân	61,343,855	62,987,168
Thuế nhà thầu	-	106,472,251
Các loại thuế khác	-	193,986,045
Cộng	599,269,963	1,975,459,576

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	56,375,303
Bảo hiểm xã hội	25,547,000	4,280,000
Bảo hiểm y tế	1,903,500	-
Cổ tức phải trả	3,002,982,836	3,010,962,836
Các khoản phải trả khác	131,912,716	304,068,600
Bảo hiểm thất nghiệp	639,000	-
Cộng	3,162,985,052	3,375,686,739

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGLa Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. Vốn chủ sở hữu**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2009	100,000,000,000	91,000,000,000	11,718,534,049	(21,988,229,175)	180,730,304,874
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	183,491,336	183,491,336
31/12/2009	100,000,000,000	91,000,000,000	11,718,534,049	(21,804,737,839)	180,913,796,210
Tăng trong năm (*)	11,000,000,000	-	-	-	11,000,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(16,793,281,849)	(16,793,281,849)
Giảm khác	-	-	-	(471,184,635)	(471,184,635)
31/12/2010	111,000,000,000	91,000,000,000	11,718,534,049	(39,069,204,324)	174,649,329,725

Việc tăng vốn trong năm 2010 được thông qua tại Đại hội Đồng Cổ đông thường niên ngày 11 tháng 08 năm 2010. Theo đó, thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ cho cổ đông chiến lược chủ yếu thuộc tập đoàn Alphanam và quỹ East Wing Asset Management Corporation (Nhật Bản) với mục đích bổ sung vốn lưu động. Cụ thể như sau:

Loại cổ phần phát hành	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/ cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành	3.900.000 cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	39.000.000.000 đồng
Giá chào bán	10.000 đồng/ cổ phần
Số lượng cổ phần phát hành thành công	1.100.000 cổ phần
Số tiền thu về từ phát hành bổ sung	11.000.000.000 đồng

b. Chi tiết vốn điều lệ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện	10,000,000,000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	86,000,000,000	85,000,000,000
Cộng	111,000,000,000	100,000,000,000

c. Cổ phiếu

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,100,000	10,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11,100,000</i>	<i>10,000,000</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,100,000	10,000,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11,100,000</i>	<i>10,000,000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	188,762,575,119	42,244,514,035
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	188,762,575,119	42,244,514,035
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188,762,575,119	42,244,514,035

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	199,069,912,582	53,656,179,553
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(12,374,549,488)
Cộng	199,069,912,582	41,281,630,065

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Theo thông báo số dư công nợ còn phải thu Công ty của Công ty Cổ phần Trường Phú, khoản lãi phạt do chậm trả Công ty còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Trường Phú là 10.489,61 USD; tuy nhiên Công ty không chấp nhận khoản lãi phạt này, đến thời điểm phát hành báo cáo này các bên vẫn chưa thống nhất vấn đề trên.

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	15,298,573,221	9,080,247,000
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	60,537,706,657	16,369,110,398

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONGLa Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp)**

Tại ngày 31/12/2010, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	46,836,342,392	3,088,996,452
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	19,410,195,776	30,836,645,792
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long	89,919,815,974	89,919,815,974

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY sau đó được điều chỉnh hồi tố cho các sai sót trọng yếu. Một số số liệu được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số kỳ này.

Các sai sót trọng yếu năm 2009 được điều chỉnh hồi tố vào số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm nay:

Nội dung sai sót	Số tiền
	VND
- Chưa hạch toán tiền nộp phạt thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp	149,022,024
- Chưa hạch toán chi phí đại hội cổ đông thường niên, chi phí kiểm toán năm 2009	110,000,000

Các sai sót này làm cho Báo cáo tài chính năm 2009 bị ảnh hưởng như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Ảnh hưởng của
	các sai sót
	VND
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009	
Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	110,000,000
Chi phí khác giảm	149,022,024
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	259,022,024
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009	
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước giảm	35,708,071
Các khoản thuế phải thu Nhà nước tăng (thuế TNDN nộp thừa)	113,313,953
Công nợ phải trả cho người bán giảm	110,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng	259,022,024

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, Phường Dương Nội
 Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
 ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. Số liệu so sánh (tiếp)

Số liệu Báo cáo của các chỉ tiêu trên trước điều chỉnh và sau điều chỉnh:

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2009		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,244,514,035	42,244,514,035
Giá vốn hàng bán	41,281,630,065	41,281,630,065
Doanh thu hoạt động tài chính	3,452,307,017	3,452,307,017
Chi phí hoạt động tài chính	21,913,298	21,913,298
Chi phí bán hàng	719,805,415	719,805,415
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,324,951,465	3,434,951,465
Thu nhập khác	95,391,726	95,391,726
Chi phí khác	1,399,175	150,421,199
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	442,513,360	183,491,336
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	442,513,360	183,491,336
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	10,000,000	10,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	44	18
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009		
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	1,939,751,505	1,975,459,576
Các khoản thuế phải thu Nhà nước	1,165,930,321	1,052,616,368
Công nợ phải trả cho người bán	4,037,209,751	4,147,209,751
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(21,545,715,815)	(21,804,737,839)

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Những thông tin khác

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 về việc sáp nhập Công ty TNHH Cấp Thăng Long (nay là Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long) vào Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long, thời điểm sáp nhập là 0h ngày 01/01/2010, Công ty đã thuê Công ty Luật Biển Bắc tư vấn về thủ tục pháp luật sáp nhập hai Công ty. Hiện nay Công ty đang thực hiện các bước chuyển đổi. Về số liệu sáp nhập cần phải đợi việc kiểm tra và quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Trần Tùng Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Phan Anh Thu

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG

La Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Trần Tùng Lâm	Thành viên
Ông Tetsuji Nagata	Thành viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Văn Quảng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Tùng Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
CHÍNH**

La Dương, Phường Dương Nội
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B

09-DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Số: /2011/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập ngày 28 tháng 03 năm 2011 từ trang 4 đến 18 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty do Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY phát hành có ý kiến ngoại trừ về nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình; dự phòng giảm giá hàng tồn kho; công nợ Phải thu khác; công nợ Phải trả người bán; trả trước cho người bán tại ngày 01 tháng 01 năm 2009; giá vốn hàng bán năm 2008 và ảnh hưởng của chúng đến số liệu tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Cấp Thăng Long với giá trị đầu tư ghi số là 20.000.000.000 đồng. Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị tài sản thuần của Công ty Cổ phần cấp Thăng Long là (15.832.278.104) đồng. Công ty chưa thực hiện đánh giá để trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính. Do bản chất của khoản mục này, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về giá trị tổn thất (nếu có) để xác định mức dự phòng cần thiết của các khoản đầu tư tài chính nêu trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán (nếu có) nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2011

Phạm Tiến Dũng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

